

NGHIÊN CỨU CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO VIỆT NAM

● **VŨ DIỆP ANH**

TÓM TẮT:

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) là nguồn vốn quan trọng giúp phát triển kinh tế tại các nước tiếp nhận đầu tư, đặc biệt là các nước đang phát triển như Việt Nam. Đứng trước thực trạng cạnh tranh gay gắt giữa các quốc gia trong việc thu hút FDI, Việt Nam cần không ngừng cải thiện môi trường đầu tư của mình để thúc đẩy tăng trưởng FDI. Bài báo sử dụng phương pháp phân tích hồi quy bình phương nhỏ nhất để nghiên cứu ảnh hưởng của các nhân tố tới FDI vào Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cho thấy, Việt Nam cần chú trọng ổn định kinh tế vĩ mô, gia tăng quy mô thị trường và mức độ mở cửa thương mại để tăng cường sức hấp dẫn đối với FDI.

Từ khóa: vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, FDI, nhân tố ảnh hưởng, phân tích hồi quy.

1. Đặt vấn đề

Thế giới chứng kiến sự gia tăng không ngừng của vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài kể từ những năm 1980 và không thể phủ nhận vai trò quan trọng của dòng vốn này trong việc phát triển kinh tế, nhất là ở các nước đang phát triển. Sự hiện diện của các nhà đầu tư nước ngoài đã giúp tạo thêm công ăn việc làm, gia tăng nguồn vốn, công nghệ mới, chuyển giao tri thức và tăng cường việc tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu của các nước đang phát triển,... Chính những lợi ích to lớn của FDI đã làm gia tăng sự cạnh tranh giữa các quốc gia trong việc thu hút nguồn vốn này. Đối với các nhà đầu tư nước ngoài, họ sẽ lựa chọn địa điểm đầu tư là nơi mang lại những điều kiện thuận lợi

cho hoạt động sản xuất - kinh doanh của họ. Điều này đã được khẳng định trong lý thuyết về đầu tư trực tiếp nước ngoài được thừa nhận rộng rãi là lý thuyết chiết trung của Dunning (1993).

Theo Dunning, các nhà đầu tư nước ngoài sẽ quyết định nơi đầu tư dựa trên 3 nhóm nhân tố: (1) lợi thế về quyền sở hữu của chủ đầu tư, (2) lợi thế về địa điểm đầu tư, và (3) lợi thế nội bộ hóa. Theo đó, đứng từ phía các nước tiếp nhận đầu tư, để tăng cường thu hút FDI, các nước này phải tập trung vào lợi thế địa điểm để hấp dẫn các nhà đầu tư nước ngoài. UNCTAD (2002) đã chỉ ra các nhân tố tạo nên lợi thế địa điểm của một nước trong thu hút FDI như khung chính sách về FDI (các hiệp định về FDI, chính sách thuế, chính

sách thương mại, chính sách tư nhân hóa,...), các nhân tố tạo thuận lợi trong kinh doanh (xúc tiến đầu tư, các ưu đãi đầu tư, các tiện nghi xã hội để tạo thuận lợi cho cuộc sống của người nước ngoài sang làm việc tại nước tiếp nhận đầu tư,...), và các nhân tố thuộc môi trường đầu tư (quy mô thị trường, môi trường kinh tế vĩ mô, cơ sở hạ tầng, chi phí vận tải, thông tin liên lạc, năng suất lao động,...).

Nguồn vốn FDI đã có những đóng góp quan trọng đối với nền kinh tế Việt Nam trong hơn 30 năm qua. Vốn FDI trong tổng đầu tư toàn xã hội tăng từ 13,1% vào năm 1990 lên mức bình quân 22% trong giai đoạn 2011 - 2020. Kim ngạch xuất khẩu của khối FDI so với tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam tăng từ 65% trong giai đoạn 2011 - 2015 lên tới 71% trong giai đoạn 2015 - 2020. Nếu như năm 2010 khu vực FDI mới chỉ đóng góp 10% vào GDP của Việt Nam, đến năm 2021 mức đóng góp này đã tăng lên 20,13% (Kiều Oanh, 2022). Tuy nhiên, đứng trước sự cạnh tranh gay gắt trong việc thu hút vốn FDI của các quốc gia khác, để tăng cường sức hấp dẫn với các nhà đầu tư nước ngoài, Việt Nam phải có các biện pháp cải thiện môi trường đầu tư để tăng cường lợi thế địa điểm của mình.

Bài báo này phân tích các nhân tố thuộc về lợi thế địa điểm ảnh hưởng tới dòng vốn FDI vào Việt Nam. Với bộ dữ liệu được thu thập cho giai đoạn 2002 - 2020, bằng phương pháp bình phương nhỏ nhất, bài báo chỉ ra các nhân tố có tác động tới dòng vốn này, từ đó gợi ý một số hàm ý chính sách cho Việt Nam trong việc thu hút vốn FDI.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Mô hình nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận về các nhân tố ảnh hưởng tới việc thu hút vốn FDI vào một quốc gia, bài báo xây dựng mô hình kinh tế lượng để phân tích ảnh hưởng của tốc độ tăng trưởng dân số, thu nhập bình quân đầu người, lạm phát, tỷ giá hối đoái, mức độ mở cửa thương mại, sự ổn định về chính trị và hiệu quả quản lý tới lượng vốn FDI chảy vào Việt Nam như sau:

$$FDI_t = \beta_0 + \beta_1 * POP_t + \beta_2 * GDP_t + \beta_3 * INF_t + \beta_4 * ER_t + \beta_5 * OPEN_t + \beta_6 * GOC_t + \beta_7 * POL_t + u_t$$

Trong đó:

Biến phụ thuộc FDI_t là vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tính theo USD chảy vào Việt Nam trong năm t .

Các biến độc lập:

POP_t là tốc độ tăng trưởng dân số và GDP_t là GDP bình quân đầu người của Việt Nam trong năm t , đại diện cho quy mô thị trường Việt Nam. Quy mô thị trường càng lớn thì lượng vốn FDI chảy vào thị trường này càng cao. Đã có nhiều nghiên cứu khẳng định tác động tích cực của quy mô thị trường đối với việc thu hút vốn FDI như nghiên cứu của Alshamsi và cộng sự (2015), Zaman và cộng sự (2018), Patsupanthi và Sakthi (2019).

ER_t là tỷ giá hối đoái của đồng USD so với đồng Việt Nam và INF_t là tỷ lệ lạm phát của Việt Nam trong năm t , đại diện cho sự ổn định của môi trường kinh tế vĩ mô của Việt Nam. Sự biến động của tỷ giá hối đoái và mức lạm phát cao sẽ làm giảm sức hấp dẫn đối với FDI. Một quốc gia có môi trường vĩ mô càng ổn định thì càng dễ thu hút được vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Zaman và cộng sự (2018), Patsupanthi và Sakthi (2019) kết luận sự ổn định của môi trường kinh tế vĩ mô có tác động tích cực đến dòng vốn FDI.

$OPEN_t$ là mức độ mở cửa thương mại của Việt Nam trong năm t . Gia tăng mức độ mở cửa thương mại sẽ giúp thu hút vốn FDI vào lĩnh vực định hướng xuất khẩu. Nghiên cứu của các tác giả Zaman và cộng sự (2018), Makoni (2018), Musabeh và Zouaoui (2020) đã chỉ ra mối quan hệ đồng biến giữa mức độ mở cửa thương mại và dòng vốn FDI chảy vào một nước.

GOV_t là chỉ số thể hiện hiệu quả quản lý và POL_t là chỉ số thể hiện sự ổn định về chính trị của Việt Nam trong năm t . 2 biến số này đại diện cho chất lượng thể chế ở Việt Nam. Các nhà đầu tư thường lựa chọn điểm đến đầu tư là các quốc gia có chất lượng thể chế cao. Chất lượng thể chế thấp sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường đầu tư, gia tăng

rủi ro và chi phí cho các nhà đầu tư khi tiến hành hoạt động kinh doanh tại nước tiếp nhận đầu tư, do đó sẽ hạn chế thu hút vốn FDI. Sabir, S. và Khan, A. (2018), Sabir và cộng sự (2019) đã khẳng định chất lượng thể chế có tác động tích cực tới việc thu hút vốn FDI.

2.2. Dữ liệu nghiên cứu

Bài báo nghiên cứu ảnh hưởng của 7 nhân tố gồm tốc độ tăng trưởng dân số, thu nhập bình quân đầu người, lạm phát, tỷ giá hối đoái, độ mở thương mại, sự ổn định về chính trị và hiệu quả quản lý tới lượng vốn FDI chảy vào Việt Nam. Các số liệu thứ cấp về FDI và 7 nhân tố này của Việt Nam được thu thập trong giai đoạn 2002 - 2021 từ World Bank.

3. Kết quả phân tích

Bài báo sử dụng phương pháp phân tích hồi quy bình phương nhỏ nhất để phân tích các số liệu thu thập được thông qua phần mềm EViews. Kết quả phân tích được thể hiện trong Bảng 1.

Bảng 1. Kết quả phân tích hồi quy

Biến phụ thuộc: FDI	Hệ số hồi quy	Sai số chuẩn	Thống kê t	P-value
C	82.4383	46.3148	1.7800	0.1004
POP	10.0935	3.6818	2.7415	0.0179**
GDP	0.0018	0.0008	2.1630	0.0514***
INF	0.0372	0.0149	2.4916	0.0283**
ER	-7.8184	5.0893	-1.5362	0.1504
OPEN	0.0237	0.0117	2.0178	0.0665***
GOV	0.5781	0.9556	0.6050	0.5565
POL	0.7257	0.7145	1.0156	0.3298
Hệ số xác định	0.914			
Thống kê F	18.2557			
Prob (F-statistic)	0.00001*			

* mức ý nghĩa 0,001; ** mức ý nghĩa 0,05, *** mức ý nghĩa 0,1

Nguồn: Tính toán của tác giả theo số liệu của World Bank

• Độ phù hợp của hàm hồi quy mẫu

Hệ số xác định R^2 được sử dụng để đánh giá độ phù hợp của hàm hồi quy mẫu. Nếu $R^2 > 0,7$, hàm hồi quy xây dựng được là phù hợp.

Kết quả phân tích cho thấy, hàm hồi quy mẫu xây dựng được có độ phù hợp cao với hệ số xác định $R^2 = 0,914$. Các biến độc lập trong mô hình

giúp giải thích 91,4% sự biến động của vốn FDI chảy vào Việt Nam.

Để kiểm tra kết quả phân tích trên có đáng tin cậy không, tác giả tiến hành kiểm định Fisher thông qua thống kê F. Kết quả kiểm định chỉ ra $F = 18,2557$ với $\text{Prob}(F\text{-statistic}) = 0,00001$ cho thấy F có ý nghĩa về mặt thống kê ở mức ý nghĩa 0,001. Như vậy, hàm hồi quy xây dựng được là phù hợp, các biến độc lập trong mô hình có tác động tới vốn FDI chảy vào Việt Nam.

• Kết quả phân tích hồi quy

Với số liệu trong bảng kết quả phân tích trên, hàm hồi quy mẫu về các nhân tố ảnh hưởng tới vốn FDI chảy vào Việt Nam có thể viết như sau:

$$FDI_t = 82,4383 + 10,0935*POP_t + 0,0018*GDP_t + 0,0372*INF_t - 7,8184*ER_t + 0,0237*OPEN_t + 0,5781*GOV_t + 0,7257*POL_t$$

Phân tích hồi quy cho thấy, một biến có tác động tới biến phụ thuộc nếu kiểm định t của biến đó có ý nghĩa về mặt thống kê với giá trị p-value < 0,1.

Số liệu kết quả phân tích cho thấy, các biến tốc độ tăng trưởng dân số, GDP bình quân đầu người, lạm phát và mức độ mở cửa thương mại có tác động tích cực tới việc thu hút vốn FDI vào Việt Nam ở mức ý nghĩa 0,05 hoặc 0,1. Cụ thể:

Tốc độ tăng trưởng dân số tăng thêm 1% sẽ giúp thu hút thêm hơn 10% lượng vốn FDI chảy vào Việt Nam. Trong khi đó, 1% gia tăng GDP bình

quân đầu người sẽ làm lượng vốn FDI tăng thêm 0,0018%. Số liệu này cho thấy vai trò quan trọng của quy mô thị trường của nước tiếp nhận đầu tư trong việc thu hút nguồn vốn FDI. Một thị trường lớn đồng nghĩa với sức tiêu dùng lớn, là động lực đối với các nhà đầu tư nước ngoài có mục tiêu tìm kiếm thị trường. Việc đầu tư để sản xuất tại một

nước sẽ giúp các nhà đầu tư này tiêu thụ được nhiều sản phẩm trong khi tiết kiệm được chi phí vận tải, tránh được các rào cản thuế quan và phí thuế quan khác so với việc xuất khẩu hàng hóa sang nước tiếp nhận đầu tư.

Điểm bất ngờ trong kết quả phân tích là tỷ lệ lạm phát (INF) có tác động tích cực tới dòng vốn FDI. Khi tỷ lệ lạm phát tăng thêm 1%, lượng vốn FDI vào Việt Nam sẽ tăng thêm 0,0372%. Những năm qua, Việt Nam rất tích cực trong việc kiểm chế lạm phát. Trong giai đoạn nghiên cứu 2002 - 2021, chỉ có 2 năm lạm phát ở mức khoảng 18,5% và 23%, còn lại lạm phát được kiểm chế ở mức 1 con số, trong đó có 12 năm lạm phát ở mức dưới 7%. Việc kiểm chế lạm phát ở ngưỡng thấp, chấp nhận được giúp ổn định kinh tế vĩ mô và là một nhân tố giúp thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Bên cạnh đó, trong giai đoạn nghiên cứu, Việt Nam có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và ổn định, GDP bình quân đạt 6,23%. Một nền kinh tế tăng trưởng cao mặc dù có thể có lạm phát cao nhưng lại mang lại tỷ suất lợi nhuận cao tạo nên sức hấp dẫn đối với nhà đầu tư tìm kiếm lợi nhuận. Như vậy, việc ổn định kinh tế vĩ mô có vai trò quan trọng trong việc thu hút vốn FDI.

Khi mức độ mở cửa thương mại (OPEN) tăng thêm 1%, vốn FDI vào Việt Nam sẽ tăng thêm 0,0237%. Việc mở rộng các hoạt động thương mại quốc tế sẽ giúp các quốc gia có điều kiện tiếp cận công nghệ hiện đại, sử dụng hiệu quả các nguồn lực, từ đó tác động tới sản lượng đầu ra và các hoạt động kinh tế. Đi kèm với mở cửa thương mại là các chính sách ưu đãi đầu tư vào lĩnh vực có định hướng xuất khẩu, mở rộng tiếp cận thị trường cho doanh nghiệp nước ngoài. Việc cắt giảm thuế quan và các hàng rào phi thuế quan nhờ tự do hóa thương mại giúp các doanh nghiệp nước ngoài cắt giảm chi phí sản xuất nhờ hưởng lợi từ việc nhập khẩu nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị đầu vào sản xuất với mức thuế suất thấp hơn. Những điều kiện này tạo nên môi trường thuận lợi hấp dẫn các nhà đầu tư nước ngoài.

Tỷ giá hối đoái (ER) có tác động tiêu cực tới

việc thu hút vốn FDI vào Việt Nam. Khi lãi suất giảm, tỷ giá hối đoái tăng đồng nghĩa với việc giá trị của đồng Việt Nam giảm xuống, làm thị trường Việt Nam trở nên kém hấp dẫn đối với nhà đầu tư nước ngoài. Tuy nhiên, số liệu phân tích cho thấy, biến tỷ giá hối đoái không có ý nghĩa về mặt thống kê.

Các biến hiệu quả quản lý (GOV) và sự ổn định về chính trị (POL) có tác động tích cực đến lượng vốn FDI chảy vào Việt Nam nhưng cũng không có ý nghĩa về mặt thống kê. Khi chỉ số hiệu quả quản lý và sự ổn định về chính trị tăng thêm 1 điểm, vốn FDI sẽ tăng lên lần lượt là 0,5781% và 0,7257%. Điều này cho thấy, chất lượng thể chế cao sẽ giúp các nhà đầu tư nước ngoài yên tâm lựa chọn điểm đến đầu tư là Việt Nam vì họ có thể tránh được những rủi ro và các chi phí khi tiến hành hoạt động kinh doanh của mình tại Việt Nam.

4. Kết luận và hàm ý chính sách

Dựa trên cơ sở lý luận về các nhân tố ảnh hưởng đến việc thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, bài báo đã đề xuất mô hình nghiên cứu ảnh hưởng của 7 nhân tố tới vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam. Các số liệu thứ cấp về FDI, tốc độ tăng trưởng dân số, thu nhập bình quân đầu người, lạm phát, tỷ giá hối đoái, độ mở thương mại, sự ổn định về chính trị và hiệu quả quản lý được thu thập cho giai đoạn 2002 - 2021 từ World Bank. Phân tích hồi quy theo phương pháp bình phương nhỏ nhất cho thấy, mô hình nghiên cứu được đề xuất có độ phù hợp cao. Các biến tốc độ tăng trưởng dân số và GDP bình quân đầu người đại diện cho quy mô thị trường và mức độ mở cửa thương mại có quan hệ tỷ lệ thuận với dòng vốn FDI chảy vào Việt Nam. Điều bất ngờ là tỷ lệ lạm phát đại diện cho sự ổn định môi trường kinh tế vĩ mô cũng có tác động tích cực tới việc thu hút FDI. Các biến sự ổn định chính trị, hiệu quả quản lý đại diện cho chất lượng thể chế và tỷ giá hối đoái không có ý nghĩa về mặt thống kê trong nghiên cứu này.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, Việt Nam cần kết hợp các chính sách khác nhau để tăng cường

sức hấp dẫn đối với vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Cụ thể:

- Việt Nam cần tăng cường thực hiện các chính sách để tận dụng lợi thế về quy mô trong việc tăng cường thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Với dân số đông, Việt Nam có nguồn lao động dồi dào, chi phí nhân công rẻ và được xem là một thị trường tiêu thụ lớn cho các doanh nghiệp, tập đoàn lớn của nước ngoài. Nhưng đứng trước yêu cầu ngày càng cao của các nhà đầu tư nước ngoài, Việt Nam cần tăng cường đào tạo, nâng cao trình độ cho lực lượng lao động. Việc tiếp tục thực hiện các chính sách phát triển kinh tế, nâng cao mức sống sẽ mở rộng nhu cầu của người dân từ các hàng hóa, dịch vụ truyền thống sang các hàng hóa, dịch vụ mới sẽ giúp thị trường Việt Nam trở nên hấp dẫn hơn đối với nhà đầu tư nước ngoài.

- Sự ổn định kinh tế vĩ mô là nhân tố quan trọng trong việc thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước

ngoài. Việt Nam cần tiếp tục các chính sách kiểm chế lạm phát để duy trì ổn định kinh tế vĩ mô. Việc kiểm soát tốt lạm phát sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc điều hành chính sách tiền tệ, lãi suất, tín dụng, giúp tăng cường sự tin tưởng của các nhà đầu tư nước ngoài đối với thị trường nước ta.

- Việt Nam cần tiếp tục tăng cường hội nhập khu vực và thế giới thông qua các hiệp định thương mại tự do, xóa bỏ các hàng rào thương mại để tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động giao thương với nước ngoài. Bên cạnh đó, chính phủ cần tuyên truyền để các doanh nghiệp trong nước không ngừng cải thiện chất lượng sản phẩm do mình sản xuất ra để nâng cao sức cạnh tranh của hàng Việt Nam trên thị trường thế giới. Các doanh nghiệp cũng cần nghiên cứu kỹ, nắm vững các quy định trong các hiệp định thương mại tự do để có thể tận dụng các ưu đãi khi xuất khẩu ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Alshamsi và cộng sự (2015). The impact of inflation and GDP per capita on foreign direct investment: The case of United Arab Emirates. *Investment Management and Financial Innovations* 12: 132-41.
2. Dunning, J.H. (1993). *Multinational enterprises and the global economy*. Workingham, Bershire: Addison Wesley.
3. Kiều Oanh. (2022). Vai trò của dòng vốn FDI trong phát triển kinh tế Việt Nam. *Tạp chí Công Thương*. Truy cập tại <https://amp.tapchicongthuong.vn/bai-viet/vai-tro-cua-dong-von-fdi-trong-phat-trien-kinh-te-viet-nam-101700.htm#:~:text=Khu%20v%E1%BB%B1c%20FDI%20%C4%91%C3%B3ng%20g%C3%B3p,x%C3%A3%20h%E1%BB%99i%20t%E1%BA%A1i%20Vi%E1%BB%87t%20Nam>.
4. Makoni (2018). FDI and Trade Openness: The Case of Emerging African Economies. *Journal of Accounting and Management* 8: 141-52.
5. Musabeh và Zouaoui (2020). Policies and Variables affecting FDI: A Panel Data Analysis of North African Countries. *Journal of Economic Policy Researches* 7: 1-20.
6. Patsupanthi và Sakthi (2019). Recent Trends of Foreign Direct Investment in India and Its Impact on Economic Growth. *IOSR Journal of Business and Management*, 8-11.
7. Sabir, S. và Khan, A. (2018). Impact of political stability and human capital on foreign direct investment in East Asia and Pacific and South Asian countries. *Asian Journal of Economic Modelling*, Vol.6, No.3.
8. Sabir và cộng sự (2019). Institutions and FDI: Evidence from developed and developing countries. *Financial Innovation* 5: 1-20.

9. UNCTAD. (2002). *World Investment Report: Transnational Corporations and Export Competitiveness*. United Nations Publication, New York.

10. World Bank. <https://data.worldbank.org/indicator>.

11. Zaman và cộng sự (2018). Trade Openness and FDI Inflows: A Comparative Study of Asian Countries. *European Online Journal of Natural and Social Sciences* 7: 386-96.

Ngày nhận bài: 10/5/2023

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 26/5/2023

Ngày chấp nhận đăng bài: 15/6/2023

Thông tin tác giả:

TS. VŨ DIỆP ANH

Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh

Trường Đại học Mỏ - Địa chất

A STUDY ON FACTORS AFFECTING FOREIGN DIRECT INVESTMENT IN VIETNAM

● PhD. **VU DIEP ANH**

Faculty of Economics and Business Administration

Hanoi University of Mining and Geology

ABSTRACT:

Foreign direct investment (FDI) is a crucial source of capital for the economic development of host countries, particularly developing ones like Vietnam. Faced with increasing competition among countries in attracting FDI, it is necessary for Vietnam to constantly improve its investment environment to attract more FDI. This study uses ordinary least squares analysis to explore the impacts of seven factors on the FDI attraction of Vietnam. The study's results show that Vietnam should focus on stabilizing its macroeconomic environment and increasing its market size and trade openness to be more attractive to FDI.

Keywords: foreign direct investment, FDI, affecting factors, regression analysis.